

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên
và môi trường tỉnh Kon Tum năm 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 531/TTr-STNMT ngày 10 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum năm 2019.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định hiện hành; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum
Cơ quan: Tỉnh Kon Tum
Thời gian ký: 14-10-2019 09:12:15



Lê Ngọc Tuấn

KẾ HOẠCH

Thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum năm 2019

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Thực hiện Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

Thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum nhằm chuẩn bị tốt cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường thống nhất trong toàn tỉnh và ngành; là cơ sở để hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh được cập nhật thường xuyên, dễ khai thác và sử dụng, phục vụ có hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường và đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường; đáp ứng thông tin cho nhu cầu sử dụng của cộng đồng trong hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt và nâng cao dân trí; từng bước thực hiện chiến lược kinh tế hoá ngành tài nguyên và môi trường.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường và mẫu vật phải khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương nhằm đảm bảo dữ liệu được thu thập chính xác, đầy đủ, có hệ thống.

- Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường. Nội dung thông tin, dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn; ưu tiên thông tin, dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

- Thực hiện thu thập dữ liệu theo Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum và theo quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

II. NỘI DUNG

1. Nhiệm vụ

- Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường theo đúng quy định tại Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Bố trí kinh phí phù hợp cho công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Thực hiện xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Xây dựng quy chế chung và kế hoạch thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thành phố để làm cơ sở thực hiện.

2. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường cần thu thập

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường bao gồm:

2.1. Thông tin, dữ liệu về đất đai gồm:

a) Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính;

b) Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

c) Thống kê, kiểm kê đất đai.

d) Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

đ) Giá đất và bản đồ giá đất.

e) Các thông tin, dữ liệu khác liên quan đến điều tra cơ bản về đất đai.

2.2. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước gồm:

a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất.

b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn.

c) Các dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước.

d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước trong nước và liên quốc gia.

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; trám lấp giếng khoan không sử dụng.

e) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước.

g) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình quan trắc tài nguyên nước.

h) Các dữ liệu về danh mục các lưu vực sông.

2.3. Thông tin, dữ liệu về địa chất và khoáng sản gồm:

a) Báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Báo cáo địa chất).

b) Hồ sơ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

c) Hồ sơ khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ; khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản độc hại.

d) Kết quả thống kê; kiểm kê trữ lượng tài nguyên khoáng sản trên phạm vi cả nước.

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.

2.4. Thông tin, dữ liệu về môi trường gồm:

a) Báo cáo hiện trạng môi trường các cấp.

b) Danh sách các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên; danh mục các loài hoang dã, loài bị đe dọa tuyệt chủng, loài bị tuyệt chủng trong tự nhiên, loài đặc hữu, loài di cư, loài ngoại lai, loài ngoại lai xâm hại, loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài trong Sách Đỏ Việt Nam.

c) Quy hoạch môi trường; Báo cáo Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái (trên cạn, dưới nước) và an toàn sinh học.

d) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ hằng năm.

đ) Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kết quả cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động khai thác khoáng sản: hiện trạng môi trường tại các mỏ khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; dự án xử lý và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu.

e) Báo cáo về tình hình nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, nộp phí bảo vệ môi trường; kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

g) Báo cáo về khu vực bị ô nhiễm, nhạy cảm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; bản đồ ô nhiễm môi trường và các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

h) Danh mục về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Danh mục và tình hình bảo vệ môi trường làng nghề, khu kinh tế, khu công nghiệp.

i) Kết quả về quản lý môi trường lưu vực sông; ô nhiễm môi trường xuyên biên giới.

k) Kết quả về xử lý chất thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung và các công nghệ môi trường khác.

l) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

2.5. Thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn gồm:

a) Thông tin, dữ liệu quan trắc, điều tra, khảo sát về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước.

b) Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn thu được từ nước ngoài, cơ quan, tổ chức quốc tế.

c) Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh; phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn.

d) Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; thông báo tình hình khí tượng thủy văn.

đ) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn.

e) Hồ sơ cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

g) Kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết.

2.6. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ gồm:

a) Thông tin, dữ liệu về hệ quy chiếu quốc gia, hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia, các mạng lưới đo đạc quốc gia.

b) Hệ thống không ảnh.

c) Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia; cơ sở dữ liệu bản đồ địa hình quốc gia.

d) Sản phẩm đo đạc và bản đồ về biên giới quốc gia.

đ) Sản phẩm đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính các cấp.

e) Bản đồ hành chính.

g) Dữ liệu địa danh.

h) Thông tin, dữ liệu về: Mạng lưới đo đạc chuyên dụng; hệ thống không ảnh chuyên dụng; sản phẩm bản đồ công trình ngầm; sản phẩm đo đạc và bản đồ quốc phòng; sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành, chuyên đề khác.

2.7. Thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu gồm:

a) Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong quá khứ và hiện tại quan trắc được từ mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia, mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.

b) Thông tin, dữ liệu về tác động của thiên tai khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội.

c) Thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính và các hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính.

d) Thông tin, dữ liệu quan trắc về ô-dôn, bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

g) Kịch bản biến đổi khí hậu các thời kỳ.

h) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm giám sát biến đổi khí hậu.

2.8. Thông tin, dữ liệu về viễn thám gồm:

a) Thông tin về cơ sở hạ tầng viễn thám.

b) Dữ liệu viễn thám.

c) Dữ liệu quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường bằng viễn thám.

d) Sản phẩm ảnh viễn thám.

đ) Siêu dữ liệu viễn thám.

e) Bản đồ chuyên đề từ ảnh viễn thám.

2.9. Kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

2.10. Văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

2.11. Hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

2.12. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác do quy định của pháp luật.

2.13. Khối lượng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện năm 2019.

Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong năm 2019 khi thu thập, phải chỉnh lý tài liệu và báo cáo theo từng danh mục, số lượng cụ thể về Sở Tài nguyên và Môi trường thông qua Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường; số lượng dữ liệu ước thực hiện như sau:

STT	Cơ quan	Số lượng hồ sơ thu thập (mét)			Ghi chú
		Tổng	Tồn đọng	Mới	
1	Huyện Đăk GLei	03	02	1	
2	Huyện Ngọc Hồi	2,5	1,5	01	
3	Huyện Tu Mơ Rông	1,5	0,5	01	
4	Huyện Đăk Tô	01	0,5	0,5	
5	Huyện Đăk Hà	02	0,5	1,5	
6	Huyện Sa Thầy	03	1,5	1,5	
7	Huyện Ia H'Drai	1,5	01	0,5	
8	Huyện Kon Rẫy	01	01	01	
9	Huyện Kon Plông	02	1,5	0,5	

STT	Cơ quan	Số lượng hồ sơ thu thập (mét)			Ghi chú
		Tổng	Tồn đọng	Mới	
10	Thành phố Kon Tum	04	03	01	
11	Các phòng, đơn vị thuộc Sở	02	0,5	1,5	
12	Các sở, ban ngành	03	2,5	0,5	
Tổng cộng		26,5	15	11,5	

3. Các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

a) Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng theo đúng quy định tại Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Nhận bàn giao thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo kế hoạch.
- Kiểm tra, chỉnh lý, số hoá thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.
- Lưu trữ, bảo quản các thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.
- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xác định danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thu thập, ước tính khối lượng tài liệu thu thập và lập kế hoạch thực hiện của năm tiếp theo tại mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương và thời gian giao nộp tài liệu, dữ liệu.

b) Các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cung cấp các thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch; tổng hợp báo cáo kết quả thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường năm 2019 về Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ cho các sở, ban ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về thực hiện các nội dung thu thập, cập nhật, xử lý chuẩn hoá dữ liệu về tài nguyên và môi trường; lập danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường để đăng trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật và lưu trữ dữ liệu thu thập được.

2. Các sở, ban, ngành

Bố trí kinh phí trong dự toán được giao để thực hiện Kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường; phối hợp lập danh mục và thống kê dữ liệu về

tài nguyên và môi trường có được qua hoạt động của ngành; báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc có thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện việc thống kê, thu thập, phân loại, cập nhật, xử lý, chuẩn hoá dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn.

- Thực hiện việc cung cấp thông tin, dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên Môi trường theo quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có phát sinh vướng mắc các đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) xem xét, điều chỉnh bổ sung kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum
Cơ quan: Tỉnh Kon Tum
Thời gian ký: 14-10-2019 09:15:07



Lê Ngọc Tuấn